Cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu đổi mới hoạt động đào tạo của Học viện Ngân hàng

Phạm Quốc Khánh

Ngày nhận: 08/11/2018 Ngày nhận bản sửa: 09/11/2018 Ngày duyệt đăng: 12/11/2018

Bên cạnh những thách thức, cách mạng công nghiệp lần thứ tư được Việt Nam đánh giá là cơ hội rất quan trọng cho sự phát triển về mô hình và chất lượng của nền kinh tế cũng như các hoạt động khác của đất nước, trong đó bao gồm lĩnh vực giáo dục đại học. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề xuất những giải pháp tập trung vào nội dung thiết kế và tổ chức triển khai nhằm đổi mới hoạt động đào tạo của Học viện Ngân hàng đến năm 2020.
Từ khóa: Giáo dục đại học; Phương thức đào tạo kết hợp; Giáo dục khai phóng.

1. Những tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến hoạt động đào tạo đại học

1.1. Khái quát về tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) có sự phát triển nhanh chóng và bùng nổ trong thời gian gần đây trên cơ sở nền tảng công nghệ số và sự kết hợp của những công nghệ đột phá mới thông qua các hệ thống thực và điện tử (cyber physical system- CPS). Những công nghệ mới nổi bật bao gồm: Internet vạn vận (*IoT platforms*), số hoá (*Digitalization*), trí tuệ nhân tạo (*Artificial intelligence*), thiết bị di động (*Mobile devices*), cảm biến thông minh (*Smart sensors*), in 3D hay còn gọi là sản xuất/ chế tác nhiều lớp (*Additive manufactoring*), điện toán đám mây (*Cloud computing*), công nghệ xác định vị trí *(Location detection technologies)*, giao tiếp người và máy (*Advanced human-machine interfaces*), phân tích dữ liệu lớn và thuật toán nâng cao (*Big data analytics and advanced algorithms*), tương tác và tổ chức thông tin khách hàng nhiều lớp (*Multilevel customer interaction and customer profiling*), xác thực và phát hiện gian lận (*Authentication & fraud detection*) (PwC, 2016).

Bản thân mỗi công nghệ mới và sự kết hợp giữa các công nghệ này với nhau, với các công nghệ cơ bản, truyền thống đã tạo cơ hội xây dựng các mô hình sản xuất thông minh, nhà máy thông minh trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ cũng như các mô hình hoạt động thông minh trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và xã hội, thậm chí là

© Học viện Ngân hàng
ISSN 1859 - 011X

Hình 1. Mô hình minh hoạ CMCN 4.0

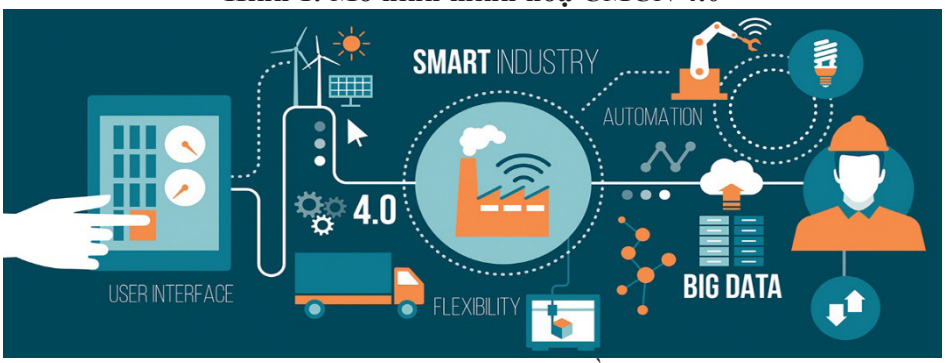

Nguồn: http://www.mediation.co.uk

các điều hành quốc gia (Chính phủ điện tử). Những lĩnh vực phi truyền thống, có tính liên ngành (*interdisciplinary)* và xuyên ngành (*transdisciplinary*) ở cấp độ rất cao đã hình thành và phát triển mạnh (IJIMS, 2017).

CMCN 4.0 sẽ tác động đến (i) trình độ phát triển kinh tế; (ii) tăng trưởng kinh tế; (iii) mô hình kinh doanh; và (iv) thị trường lao động của các quốc gia. Chủ động nắm bắt và chuẩn bị các điều kiện cần thiết sẽ giúp mỗi quốc gia tận dụng được những cơ hội tốt và hạn chế những khó khăn thách thức sẽ gặp phải khi hòa nhập cùng CMCN 4.0. Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc hoàn tất nhiều hiệp định thương mại tự do quy mô lớn như TPP, FTA với EU, Liên minh kinh tế Á- Âu..., việc tiếp cận thành tựu cách mạng sản xuất mới để tham gia hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhu cầu cấp thiết (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2016).

Những cơ hội đến từ CMCN 4.0: Cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân; Nâng cao năng suất lao động, cải thiện hiệu quả nguồn lực, rút ngắn khoảng cách về trình độ sản xuất với thế giới, góp phần tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, tăng số lượng và chất lượng lao động có trình độ cao; Tận dụng thành tựu từ những công nghệ hoàn toàn mới trong đó có công nghệ sinh học, tạo nên đột phá quan trọng trong những chuỗi giá trị công nghiệp và nông nghiệp cho quốc gia; Tăng khả năng kết nối, trao đổi giữa Chính phủ và người dân (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2016).

Bên cạnh đó là những thách thức đến từ CMCN 4.0 cũng ở phạm vi toàn quốc gia, bao gồm: Gia tăng mức độ cạnh tranh đa quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu; Nguy cơ phá vỡ thị trường lao động; Nguy cơ gia tăng bất bình đẳng; Nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, gia tăng xung đột giữa các quốc gia (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2016).

Có thể khẳng định, bối cảnh mới đến từ CMCN 4.0 đòi hỏi sự chủ động của cả đất nước, trong đó chính sách và giải pháp cụ thể về nhân lực sẽ là một trong những yếu tố then chốt cho nội dung này. Đây là vấn đề cốt lõi quyết định sự thành công và phát triển bền vững trước những thay đổi của CMCN 4.0. Các chính sách đào tạo, tuyển dụng, đãi ngộ, sử dụng... cũng cần được nghiên cứu chỉnh sửa hợp lý đồng bộ theo hướng chất lượng nguồn nhân lực không chỉ là về năng lực chuyên môn mà kèm theo/ bổ sung là năng lực tiếp cận, ứng dụng công nghệ số, làm việc trong môi trường ứng dụng cao về công nghệ thông tin và truyền thông (ICT).

1.2. Một số tác động của CMCN 4.0 đến giáo dục đại học ở Việt Nam

Thứ nhất, việc theo học ở trình độ đại học, sau đại học tiếp tục được xem là "một hoạt động đầu tư cho tương lai" của mỗi cá nhân, mỗi gia đình và toàn xã hội. Tuy nhiên, có thể nói, chưa khi nào chúng ta lại gặp khó khăn trong việc dự báo ở phạm vi tin cậy cho các năng lực cần có của sinh viên tốt nghiệp khi bước chân vào thị trường lao động như hiện nay. Sự chuyển dịch từ đào tạo những gì mà nhà trường có sang những gì mà thị trường lao động cần sẽ thực sự

Hình 2. Môi trường tương tác của người học trong CMCN 4.0

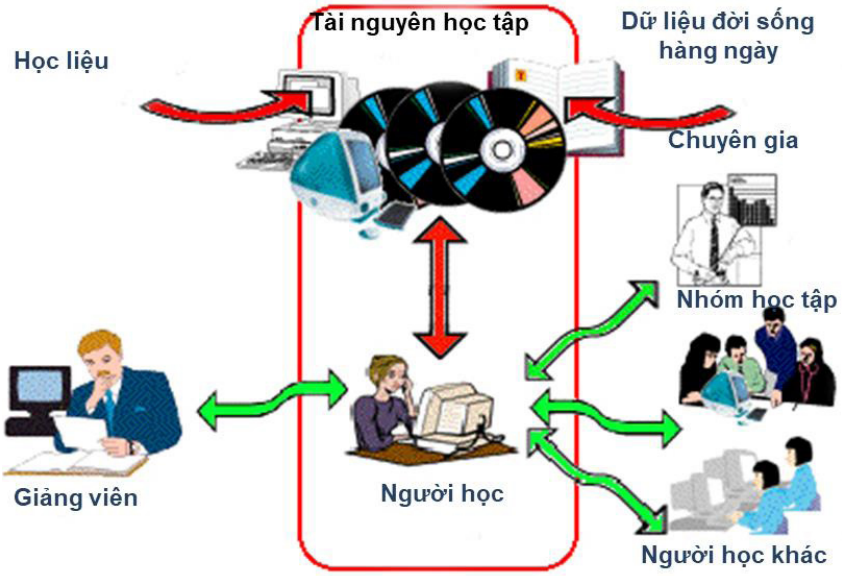

Nguồn: http://www.mediation.co.uk

trở thành một thách thức đối với các trường đại học cũng như các cơ quan quản lý.

Thứ hai, hệ thống thông tin khổng lồ và luôn luôn "mở" với tất cả mọi người đòi hỏi sự lựa chọn thông minh và phương pháp tiếp cận hợp lý. Trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence), các lại rô-bốt (Robotics), thực tế ảo (Virtual Reality), học tập với máy (Machine Learning)… được xem là công nghệ "sóng thần" (The Tsunami of technology) đã thực sự xuất hiện và mang đến những đổi mới cho xã hội, văn hoá, kinh tế và hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động giáo dục. Người học có thể học mọi lúc, mọi nơi với rất nhiều phương tiện và nguồn tương tác khác nhau. Nhà trường truyền thống chỉ chiếm một phần nhỏ trong môi trường tri thức, kỹ năng, trải nghiệm mà người học có các cơ hội tiếp cận. Hơn nữa, sự phát triển của xã hội còn đòi hỏi môi trường sáng tạo và khởi nghiệp trong trường đại học.

Thứ ba, những yêu cầu về năng lực làm việc được chuyển dịch mạnh mẽ ở cả kiến thức- kỹ năng truyền thống cũng như những kiến thức-kỹ năng hoàn toàn mới. Khi khảo sát các doanh

Biểu đồ 1. Nhu cầu kỹ năng cần có đối với nguồn nhân lực

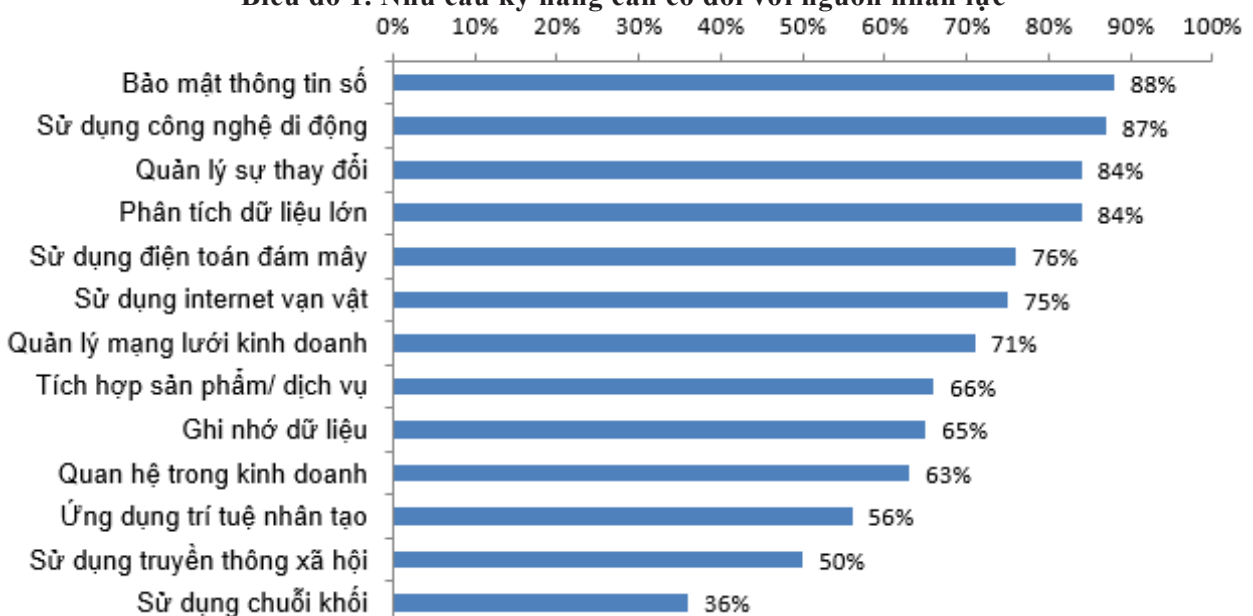

Nguồn: Patrick Hoberg, Helmut Krcmar, Bernd Welz, 2017

Biểu đồ 2. Mức độ sẵn sàng của các kỹ năng ở đội ngũ nhân lực hiện có

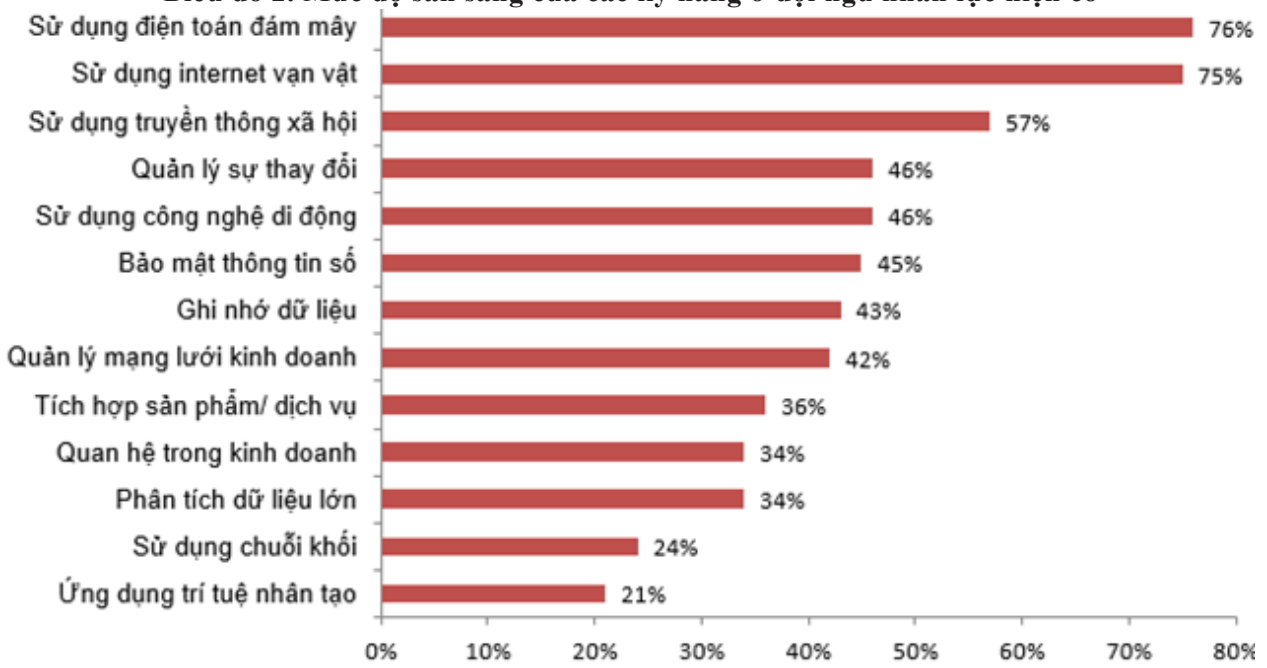

Nguồn: Patrick Hoberg, Helmut Krcmar, Bernd Welz, 2017

nghiệp năm 2017, Patrick Hoberg, Helmut Krcmar, Bernd Welz đã phát hiện sự thay đổi nhanh chóng về tầm quan trọng của các kỹ năng trong điều kiện ứng dụng công nghệ số hoặc nhu cầu ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh. Theo đó, những kỹ năng về bảo mật thông tin, sử dụng công nghệ di động được xem là những kỹ năng quan trọng nhất. Công nghệ mới về chuỗi khối (blockchain) được dự đoán là có phạm vi ứng dụng rất mạnh mẽ nhưng lại chưa thể hiện sự cần thiết ở doanh nghiệp.

Tại Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) năm 2016, hệ thống năng lực và kỹ năng (cơ bản/ độc lập, đặc biệt là kỹ năng liên ngành/ liên chức năng) được đề cập một cách hệ thống cho sự chuẩn bị nhân lực phục vụ CMCN 4.0. Các trường đại học cần rà soát và chủ động tham khảo để có những điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học phải đảm bảo hiệu lực (effective) và hiệu quả (efficient) ở cả phạm vi người học và trường đại học, xã hội.

Có thể khẳng định, CMCN 4.0 đã đặt ra những yêu cầu rất mạnh mẽ về sự thay đổi toàn diện nhưng cũng cần có bước đi thích hợp trong đào tạo đại học ở Việt Nam nói chung và tại Học viện Ngân hàng nói riêng.

2. Thực trạng đáp ứng của Học viện Ngân hàng

Hiện nay, Học viện Ngân hàng (HVNH) đào tạo

Bảng 1. Các năng lực và kỹ năng cơ bản của nguồn nhân lực CMCN 4.0

NĂNG LỰC		KỸ NĂNG CƠ BẢN		KỸ NĂNG LIÊN CHỨC NĂNG			
Các khả năng nhận thức (Cognitive Abilities)		**Các kỹ năng nội dung (Content skills)**		**Các kỹ năng xã hội (Social Skills)**		**Các kỹ năng quản lý nguồn lực (Resource Management Skills)**	
Cognitive Flexibility	Linh hoạt về nhận thức	Active Learning	Học chủ động	Coordinating with Others	Phối hợp với người khác	Management of Financial Resources	Quản lý các nguồn tài chính

NĂNG LỰC		KỸ NĂNG CƠ BẢN		KỸ NĂNG LIÊN CHỨC NĂNG			
Creativity	Sáng tạo	Oral Expression	Trình bày bằng lời nói	Emotional Intelligence	Năng lực xúc cảm	Management of Material Resources	Quản lý tư liệu
Logical Reasoning	Lập luận logic	Reading	Đọc hiểu	Negotiation	Thương lượng	People Management	Quản lý con người
Problem Sensitivity	Nhạy bén trong nhận biết vấn đề	Comprehension	Trình bày bằng văn viết	Persuasion	Thuyết phục	Time Management	Quản lý thời gian
Mathematical Reasoning	Lập luận toán học	Written Expression	Trình bày bằng văn bản	Service Orientation	Định hướng dịch vụ		
Visualization	Tư duy hình tượng			Training and Teaching Others	Đào tạo và giáo dục người khác	**Các kỹ năng kỹ thuật (Technical Skills)**	
						Equipment Maintenance and Repair	Bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị
Các khả năng thể chất (Physical Abilities)		**Các kỹ năng xử lý (Process skills)**		**Các kỹ năng hệ thống (Systems Skills)**		Equipment Operation and Control	Vận hành và kiểm soát thiết bị
Physical Strength	Sức khỏe thể chất	Active Listening	Nghe chủ động	Judgement and Decision-making	Phán xét và ra quyết định	Programming	Lập trình
Manual Dexterity and Precision	Nhạnh nhẹn, khéo léo và chính xác	Critical Thinking	Tư duy phê phán	Systems Analysis	Phân tích hệ thống	Quality Control	Kiểm soát chất lượng
		Monitoring Self and Others	Giám sát bản thân và người khác	**Các kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp**		Technology and User Experience Design	Công nghệ và thiết kế theo trải nghiệm người dùng
				Complex Problem Solving	Giải quyết vấn đề phức tạp	Trouble shooting	Giải quyết vấn đề

Nguồn: WEF, 2016

08 ngành trình độ đại học bao gồm: Tài chính-ngân hàng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Hệ thống thông tin quản lý, Kinh tế, Ngôn ngữ Anh và Luật Kinh tế với định hướng ứng dụng là chủ chốt. Bên cạnh đó là 02 ngành trình độ thạc sĩ (Tài chính- ngân hàng, Kế toán) và 01 ngành trình độ tiến sĩ (Tài chính- ngân hàng).

2.1. Về xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Hình 3. Kết quả ghi nhớ của từng hoạt động học (được đo lường sau hai tuần)

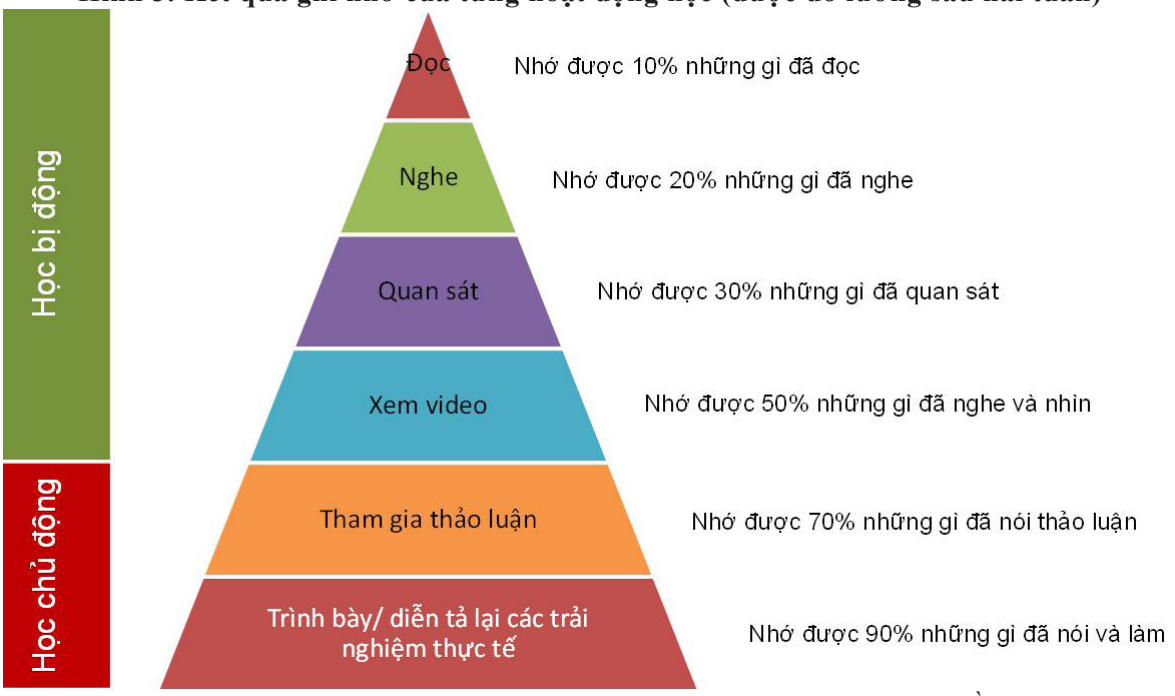

Nguồn: Edgar Dale, 1969

Chuẩn đầu ra trình độ đại học và thạc sĩ đối với các ngành đào tạo được triển khai tại HVNH được xây dựng và công bố vào các năm 2010 và 2016 trên cơ sở Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo (TTCP, 2016). Các công bố chuẩn đầu ra đã đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội về yêu cầu kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm phù hợp với yêu cầu ngành đào tạo, vị trí việc làm dự kiến trong tương lai.

Mặc dù vậy, các tuyên bố chuẩn đầu ra hiện nay của HVNH chưa thực sự thể hiện được yêu cầu: sinh viên được học và đạt chuẩn năng lực khi tốt nghiệp đáp ứng những gì xã hội sẽ cần do sự thay đổi nhanh chóng của môi trường; những yêu cầu hiểu biết về các ngành khoa học có tính chất liên ngành giữa lĩnh vực kỹ thuật- công nghệ và xã hội; những kiến thức về các ngành khoa học của CMCN 4.0 và phạm vi, triển vọng ứng dụng trong ngành được đào tạo.

2.2. Về tổ chức các hoạt động đào tạo

Trong gần 10 năm qua, phương pháp dạy, học và đánh giá người học của HVNH đã có rất nhiều những chuyển đổi tích cực với định hướng chính là đào tạo theo chuẩn đầu ra, coi trọng phát triển kỹ năng cho sinh viên, bao gồm cả kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm về tin học, ngoại ngữ. Đa số sinh viên tốt nghiệp đã có sự tự tin tham gia vào thị trường lao động, với tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp một năm luôn đạt tỷ lệ trên 85% trong những năm gần đây.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đó, trước yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 thì việc tạo lập môi trường học tập hiện đại còn hạn chế (giáo dục khai phóng và cơ hội học tập hơn là sự "bắt buộc"), sự đa dạng ở phương pháp tiếp cận và phương pháp hướng dẫn học chưa đáp ứng đòi hỏi phát triển năng lực người học khi tốt nghiệp (năng lực là sự tổng hợp của kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ- tự chịu trách nhiệm và sự trải nghiệm).

Trên thực tế, phương pháp áp dụng trong đào tạo của nhiều học phần tại HVNH do tác động của các nguyên nhân chủ quan và khách quan hiện vẫn là phương pháp học bị động (passive) hơn là chủ động (active), phương pháp dạy

chưa theo kịp với những đòi hỏi dạy chủ động ở trường đại học trong điều kiện mới (Hình 2). Các hoạt động học chủ yếu hiện nay của sinh viên tại HVNH là trong các giờ lên lớp với hình thức chủ đạo là Đọc (Reading), Nghe (Hearing) và Quan sát (Watching). Như vậy, mức độ kết quả hoạt động học rất hạn chế (minh hoạ ở Hình 2). Bên cạnh đó, người học ít cơ hội được phản ánh lại (reflection- Trình bày/ diễn tả lại) những kiến thức, kỹ năng trong quá trình học tập, ít cơ hội được trải nghiệm, ít cơ hội được phản biện trong và ngoài giờ học… và đặc biệt chú ý nhiều đến việc kiểm tra, thi sau này của mỗi học phần.

2.3. Về các hoạt động và điều kiện hỗ trợ đào tạo

Hạ tầng hỗ trợ đào tạo và hệ thống quản lý đào tạo tại HVNH được cải thiện nhiều trong những năm qua nhờ đầu tư hệ thống học liệu, hệ thống công nghệ thông tin… nhưng vẫn chưa đáp ứng môi trường học tập định hướng tạo cơ hội, ưu tiên hướng dẫn học, cân bằng phát triển kiến thức- kỹ năng- trải nghiệm của người học. Những đặc điểm nêu trên trong đào tạo của HVNH cũng là vấn đề chung phổ biến hiện nay ở hầu hết các đại học tại Việt Nam: "*Thực tế tại các trường đã kiểm định cho thấy: Có 15,4% số trường chưa thiết kế chương trình đào tạo đúng*

Bảng 2. Kết quả khảo sát hoạt động học của sinh viên HVNH năm học 2015-2016

Đơn vị: %

TT	Nội dung khảo sát	Ý kiến phản hồi			
		1	2	3	4
1	Bạn đã chủ động tìm kiếm những thông tin về mục tiêu và nội dung-phương pháp học ngay khi bắt đầu học phần.	15,09	58,60	20,88	5,44
2	Bạn đã tìm hiểu các hình thức kiểm tra- đánh giá để đạt kết quả cao trong học tập.	46,07	40,14	10,12	3,66
3	Bạn đã tích cực tìm tài liệu học tập phù hợp với mục tiêu học phần.	24,87	54,29	18,56	2,28
4	Bạn đã chuẩn bị nội dung bài học và các yêu cầu của giảng viên trước khi lên lớp.	20,56	48,15	26,89	4,39
5	Bạn đã thể hiện quan điểm và trao đổi với giảng viên khi không đồng tình.	9,22	35,64	41,84	13,3
6	Bạn đã chủ động tìm kiếm và luyện tập bộ câu hỏi tự luận, trắc nghiệm, các bài tập lớn… sau mỗi chương của học phần.	35,9	40,46	20,49	3,15
7	Bạn đã tham gia đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi và các hoạt động thảo luận trên lớp nhằm hiểu rõ bản chất nội dung kiến thức và kỹ năng đã được học.	17,77	48,78	28,92	4,53
8	Bạn trao đổi với giảng viên và sinh viên khác về ý tưởng của mình về bài giảng.	10,51	40,98	37,65	10,86
9	Trong quá trình học, bạn đã chủ động liên kết các kiến thức của nội dung bài học/ chương/ chủ đề với nhau để hiểu rõ nội dung bài học.	21,93	50,53	24,74	2,81
10	Bạn đã có những sáng kiến, ý tưởng, đề xuất của bản thân liên quan tới bài học.	13,2	41,02	38,56	7,22
11	Bạn đã tham gia vào các bài tập liên hệ thực tế/ bài tập giải quyết vấn đề- tình huống nhằm thực hành và thử nghiệm kiến thức, kỹ năng đã học.	17,63	46,42	27,92	8,03
12	Bạn cố gắng tạo được sự hứng thú và động lực trong quá trình học tập.	35,47	43,88	18,1	2,56
13	Bạn đã tiến hành lập kế hoạch học và từng bước thực hiện hoạt động của mình.	36,13	47,08	13,5	3,28

Nguồn: Khảo sát của Phòng Thanh tra và quản lý chất lượng HVNH.
Trong đó: 1- Thường xuyên; 2- Thỉnh thoảng; 3- Hiếm khi; 4- Không bao giờ

Bảng 3. Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên HVNH trước tốt nghiệp năm học 2015-2016

Đơn vị: %

TT	Nội dung	Năm học 2015- 2016			
		Rất tốt	Tốt	Chấp nhận được	Chưa tốt
1	Cổng thông tin cung cấp cho người học	15,83	42,51	28,28	13,39
2	Công tác hỗ trợ người học về quy chế sinh viên	12,47	43,54	33,07	10,92
3	Công tác hỗ trợ người học về học phí, phí	9,62	44,02	34,38	11,98
4	Công tác hỗ trợ người học về đào tạo	12,32	51,13	29,51	7,03
5	Công tác hỗ trợ người học thư viện	12,32	49,1	30,57	8,01
6	Cơ sở vật chất tại các khu giảng đường	6,57	29,7	41,72	22,01
7	Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động ngoại khoá	6,2	28,1	41,16	24,54
8	Cơ sở vật chất, điều kiện sinh hoạt của khu ký túc xá	7,62	26,54	38,81	27,02
9	Đánh giá chung về hoạt động hỗ trợ người học	8,79	42,24	41,97	7,00

Nguồn: Khảo sát của Phòng Thanh tra và quản lý chất lượng

theo quy định; 44% chưa thật sự chú trọng về hoạt động đào tạo, phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; 55% chưa đáp ứng đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên một số ngành đào tạo còn quá cao; 78% chưa đáp ứng tiêu chí yêu cầu về chuyển giao khoa học- công nghệ; 66% chưa đáp ứng yêu cầu của tiêu chí thư viện của trường đại học; 55% chưa có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định" (Bành Tiến Long, 2018). Khắc phục những hạn chế này sẽ đòi hỏi cả những giải pháp về vĩ mô và vi mô, sự chủ động của mỗi cơ sở giáo dục đại học như HVNH.

3. Khuyến nghị về giải pháp đổi mới hoạt động đào tạo tại Học viện Ngân hàng hướng tới cung ứng nhân lực cho CMCN 4.0 ở Việt Nam

Thứ nhất, HVNH cần tiếp tục định hướng chiến lược về giải pháp tạo môi trường đào tạo mở, áp dụng mô hình giáo dục khai phóng. Quan điểm học theo những kinh nghiệm của những tổ chức đi trước cần được kết hợp với những tư tưởng tiên phong, vì nếu chỉ học kinh nghiệm khác, chúng ta chỉ luôn là người "đi sau". Giáo dục khai phóng (Liberal education) là mô hình giáo dục bậc đại học hiện đang được áp dụng rộng rãi tại Hoa Kỳ, các quốc gia tiên tiến có nền giáo dục phát triển tại châu Âu, châu Á với đặc trưng là đào tạo linh hoạt, chú trọng cả chiều rộng và chiều sâu của môn học, khuyến khích các môn liên ngành, tăng cường khả năng lựa chọn cho sinh viên. Trong điều kiện này, sự thay đổi quan trọng nhất trong tổ chức thực hiện đó là đội ngũ giảng viên. Họ cần hiểu và được hướng dẫn cách tiếp cận, phương pháp phù hợp.

Thứ hai, chương trình đào tạo của HVNH cần được bổ sung nội dung về chuẩn đầu ra bắt buộc về năng lực làm việc trong bối cảnh CMCN 4.0. Các học phần liên ngành, xuyên ngành cần được bổ sung vào chương trình đào tạo. Các học phần về công nghệ của CMCN 4.0 như Internet vạn vật (Internet of Things), Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (Artificial Intelligence in Business), Ứng dụng chuỗi khối (Blockchain), Khai thác dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big data application) và học phần về Quản lý đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp cần được cung cấp cho người học ở các ngành đào tạo.

Thứ ba, HVNH cần khẩn trương xây dựng và triển khai phương thức đào tạo kết hợp (blended learning) để giải quyết những rào cản cho việc thực hiện các giải pháp đào tạo chủ động, tạo điều kiện học mọi lúc, mọi nơi cho người học. Đây là mô hình kết hợp giữa giảng dạy trực tiếp

Hình 3. Mô hình Giáo dục đại học trong bối cảnh CMCN 4.0

Nguồn: http://www.mediation.co.uk

Hình 4. Blended learning hỗ trợ thực hiện các hoạt động học chủ động

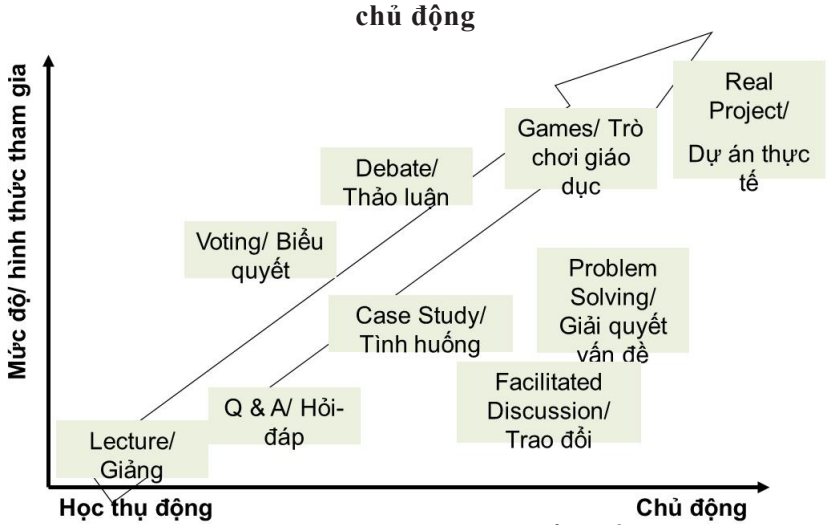

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Hình 5. Hoạt động dạy học của giảng viên đại học

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

và cơ hội học tập trực tuyến. Mô hình học tập hỗn hợp cho phép cá nhân hóa, linh hoạt và nhiều cơ hội hơn cho sự thành công của người học. Hoạt động dạy, học và đánh giá được thực hiện trên các phương pháp kết hợp đòi hỏi được thiết kế, chuẩn bị kỹ lưỡng và cải tiến liên tục, không thể cầu toàn ngay từ những giai đoạn đầu triển khai.

Vai trò của người giảng viên đại học cần được chuyển từ thuyết trình là chủ yếu sang bao quát cả năm hoạt động (Hình 5) với ưu tiên đặc biệt là hướng dẫn học, tạo cơ hội tự học cho người học (tăng cường các hoạt động dạy về Ứng dụng, Phản ánh, Hướng dẫn và hỗ trợ).

Việc chuyên nghiệp hoá hoạt động quản lý, hỗ trợ đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động của HVNH sẽ rất cần được triển khai đồng bộ để hỗ trợ cho các giải pháp đổi mới đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của CMCN 4.0 tại Việt Nam.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả mong muốn chia sẻ ý kiến dựa trên những nghiên cứu thời gian qua về tác động của CMCN 4.0 đến giáo dục đại học (hiện tại và lương lai) và thực tiễn hoạt động đào tạo của HVNH. Những đề xuất của tác giả tập trung vào giải pháp cụ thể, khả thi, phù hợp trong quá trình triển khai. Tác giả mong nhận được và trân trọng cám ơn mọi ý kiến chia sẻ, góp ý của tất cả những nhà quản lý giáo dục, giảng viên… quan tâm về chủ đề. ■

Tài liệu tham khảo

1. *ATKeany (2014), Going digital: The banking transformation roadmap.*
2. *Bank Governance Leadership Network (2018), The future of talent in banking: workforce evolution in the digital era.*
3. *Bành Tiến Long (2018), Kiểm định chất lượng để phát triển giáo dục đại học bền vững.*
4. *Deutsche Bank (2017), Human Resources Report 2017.*
5. *Học viện Ngân hàng (2008, 2017), Chiến lược phát triển Học viện Ngân hàng đến năm 2020.*
6. *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), Báo cáo đánh giá tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và một số định hướng hoạt động của ngành Ngân hàng Việt Nam.*
7. *International Journal of Interdisciplinary and Multidisciplinary Studies (2017), Digital Transformation in HR.*
8. *Patrick Hoberg, Helmut Krcmar, Bernd Welz (2017), Skills for Digital Transformation.*
9. *PwC. (2016), Industry 4.0 - Building the digital enterprise, 2016 Global Industry 4.0 Survey program.*
10. *Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012): Luật Giáo dục đại học.*
11. *Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), Quyết định 1981/QĐ-TTg năm 2016 phê duyệt phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Quyết định 1982/QĐ-TTg năm 2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.*
12. *WEF (2016), The Future of Jobs: Employment, skills and workforce strategy for the Fourth Industrial Revolution (Executive summary).*
13. *http://www.mediation.co.uk/education/newways/process.html*

Thông tin tác giả

Phạm Quốc Khánh, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
Phòng Đào tạo, Học viện Ngân hàng
Email: khanhpq@hvnh.edu.vn

Summary

Industrial Revolution 4.0 and reform requirements for training activities at Banking Academy

Along with the challenges, the Fourth industrial revolution was considered as a vital opportunity for the development model and quality of the economy as well as other important areas, including the higher education. In this article, the author proposes specific solutions, focusing on design and implementation to improve training activities at the Banking Academy to 2020.

Keywords: higher education, blended learning, liberal education.

Khanh Quoc Pham, Assoc.Prof. PhD
Head of Academic Affairs, Banking Academy of Vietnam